

Số: 05/2023/QĐDS-ST

Kim Bảng, ngày 12 tháng 6 năm 2023.

QUYẾT ĐỊNH
GIẢI QUYẾT VIỆC DÂN DÂN SỰ SƠ THẨM
V/v: “Xác định quyền sở hữu, quyền sử dụng tài sản,
phân chia tài sản chung để thi hành án”.

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KIM BẮNG, TỈNH HÀ NAM

Thành phần giải quyết việc dân sự gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên họp:* Ông Nguyễn Đức Thọ.
- *Thư ký phiên họp:* Ông Trần Quang Tất - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam.
- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam tham gia phiên họp:* Ông Hoàng Việt Hùng - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 6 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam mở phiên họp sơ thẩm công khai giải quyết việc dân sự thụ lý số 02/2023/TLST-VDS ngày 14 tháng 3 năm 2023, về yêu cầu “Xác định quyền sở hữu, quyền sử dụng tài sản, phân chia tài sản chung để thi hành án” theo quyết định mở phiên họp số 05/2023/QĐST-VDS ngày 15 tháng 5 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên họp số 02/2023/QĐST-VDS ngày 29 tháng 5 năm 2023, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

1. Người yêu cầu giải quyết việc dân sự: Bà Phan Thị L - Chấp hành viên sơ cấp Chi cục Thi hành án dân sự huyện K, tỉnh Hà Nam; địa chỉ: Số X, đường T, thị trấn Q, huyện K, tỉnh Hà Nam.

2. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

2.1. Ông Trần Văn T, sinh năm 1969; địa chỉ: Thôn N, xã T, huyện K, tỉnh Hà Nam.

2.2. Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1972; địa chỉ: Thôn N, xã T, huyện K, tỉnh Hà Nam.

2.3. Anh Trần Văn Q, sinh năm 1991; địa chỉ: Thôn N, xã T, huyện K, tỉnh

Hà Nam.

2.4. Anh Trần Văn H1, sinh năm 1993; địa chỉ: Thôn N, xã T, huyện K, tỉnh Hà Nam.

2.5. Chị Trần Thị Th, sinh năm 1989; địa chỉ: Tổ M, thị trấn Q, huyện K, tỉnh Hà Nam.

Phiên họp có mặt bà L. Ông T, bà H, anh Q, anh H1, chị Th đều vắng mặt không có lý do.

NỘI DUNG VỤ VIỆC:

Theo đơn yêu cầu và các lời khai tại Tòa án, người yêu cầu là bà Phan Thị L - Chấp hành viên sơ cấp Chi cục Thi hành án dân sự huyện K, tỉnh Hà Nam trình bày:

Theo Quyết định công nhận sự thoả thuận của các đương sự số 02/2016/QĐST-DS ngày 13/6/2016 của Toà án nhân dân huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam và Quyết định thi hành án số 01/QĐ-CCTHADS ngày 03/10/2016 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam thì ông Trần Văn T, sinh năm 1969 và vợ là bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1972; đều có nơi cư trú: Thôn N, xã T, huyện K, tỉnh Hà Nam phải trả cho bà Đinh Thị P, sinh năm 1975; nơi cư trú: Thôn U, xã T, huyện K, tỉnh Hà Nam số tiền 298.750.000đ (hai trăm chín mươi tám triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng) vào ngày 02/9/2016 (trong đó, tiền nợ gốc là 250.000.000 đồng và tiền lãi tính từ ngày 17/4/2014 đến ngày 17/6/2016 là 48.750.000 đồng).

Theo Quyết định thi hành án số 176/QĐ-CCTHADS ngày 17/6/2016 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam thì ông Trần Văn T và bà Nguyễn Thị H phải nộp án phí giá ngạch tài sản là 7.468.450đ (bảy triệu bốn trăm sáu mươi tám nghìn bốn trăm năm mươi đồng).

Trong quá trình giải quyết việc thi hành án, vợ chồng ông Trần Văn T, bà Nguyễn Thị H cố ý chây ỳ, không tự nguyện thi hành án. Chấp hành viên Chi cục Thi hành án dân sự huyện K đã tiến hành xác minh điều kiện thi hành án của ông T, bà H và đã xác định được ông bà có tài sản như sau: Thửa đất số 150, tờ bản đồ số PL 09, diện tích 100m² đất ở tại nông thôn đã được Ủy ban nhân dân (UBND) huyện K, tỉnh Hà Nam cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AG 169964 ngày 12/7/2006 mang tên người sử dụng đất là hộ ông Trần Văn T toạ lạc tại thôn N, xã T, huyện K, tỉnh Hà Nam. Hiện nay thửa đất này ông T, bà H mới

vượt lập được một phần nhỏ, còn lại vẫn là đất mặt nước nên chưa có tài sản, vật kiến trúc gì.

Chấp hành viên được phân công thụ lý giải quyết việc thi hành án đã thông báo cho các đương sự và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan biết để tự thoả thuận phân chia tài sản chung, nhưng các bên không tự thoả thuận để phân chia. Để đảm bảo việc thi hành án theo đúng quy định của pháp luật, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của các đương sự, Chấp hành viên Chi cục Thi hành án dân sự huyện K, tỉnh Hà Nam đề nghị Toà án nhân dân huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam xác định quyền sở hữu, quyền sử dụng tài sản của người phải thi hành án là ông Trần Văn T, bà Nguyễn Thị H trong khối tài sản chung nêu trên để đảm bảo thi hành án.

Tại lời khai trong quá trình giải quyết việc dân sự tại Tòa án, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Nguyễn Thị H trình bày: Trước đây vợ chồng bà (bà và ông Trần Văn T) có trúng đấu giá quyền sử dụng thửa đất số 150, tờ bản đồ số PL 09, diện tích 100m² đất ở tại nông thôn đã được UBND huyện K, tỉnh Hà Nam cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AG 169964 ngày 12/7/2006 mang tên người sử dụng đất là hộ ông Trần Văn T tại thôn N, xã T, huyện K, tỉnh Hà Nam, thửa đất này là mặt nước (ao), sau khi trúng đấu giá thì vợ chồng bà mới vượt lập được một phần nhỏ, còn lại phần lớn vẫn là mặt nước. Tuy nhiên, do vợ chồng bà làm ăn thua lỗ nên đã chuyển nhượng lại thửa đất này cho người khác nhưng bà không nhớ là chuyển nhượng cho ai và chuyển nhượng vào thời gian nào.

Tại lời khai trong quá trình giải quyết việc dân sự, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là chị Trần Thị Th trình bày: Chị là con đẻ của ông Trần Văn T và bà Nguyễn Thị H. Đối với thửa đất số 150, tờ bản đồ số PL 09 tại thôn N, xã T, huyện K mà Tòa án nhân dân huyện Kim Bảng giải quyết thì chị không có công sức đóng góp gì, vì khi Nhà nước cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bố mẹ chị thì chị vẫn còn nhỏ, đang là học sinh, bản thân chị đến nay cũng không biết thửa đất đó nằm ở vị trí nào. Chị Th xác định thửa đất này là tài sản của bố mẹ chị nên chị không có quyền lợi gì liên quan, vì vậy chị đề nghị Tòa án không đưa chị vào tham gia tố tụng.

Tại phiên họp, người yêu cầu giải quyết việc dân sự vẫn giữ nguyên quan điểm như đã trình bày ở trên và đề nghị Tòa án phân chia phần tài sản của ông T, bà H theo quy định của pháp luật. Kiểm sát viên phát biểu ý kiến của Viện kiểm

sát về việc giải quyết việc dân sự, đồng thời đề nghị Tòa án căn cứ vào khoản 9 Điều 27, khoản 2 Điều 35, các Điều 149, 369, 370, 371, 372 Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 158, 213, 219 của Bộ luật Dân sự; khoản 1 Điều 74 Luật Thi hành án dân sự; các Điều 29, 33, 34 Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án: Chấp nhận yêu cầu của Chấp hành viên Chi cục Thi hành án dân sự huyện K, tỉnh Hà Nam về việc xác định phần quyền sở hữu, quyền sử dụng tài sản, phân chia tài sản chung của ông Trần Văn T và bà Nguyễn Thị H để thi hành án. Xác định thửa đất số 150, tờ bản đồ số PL 09, diện tích 100m² đứng tên hộ ông Trần Văn T, sinh năm 1969, địa chỉ tại thôn N, xã T, huyện K, tỉnh Hà Nam (có trích đo thửa đất kèm theo) là thuộc quyền sử dụng của vợ chồng ông Trần Văn T và bà Nguyễn Thị H. Ông T, bà H mỗi người đều được quyền sử dụng ½ giá trị khối tài sản chung của vợ chồng là thửa đất nêu trên để đảm bảo việc thi hành án dân sự. Lệ phí giải quyết việc dân sự sơ thẩm: Người yêu cầu và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không phải chịu.

NHẬN ĐỊNH:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ việc dân sự được thẩm tra tại phiên họp và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên họp, Tòa án nhân dân huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết và thủ tục tố tụng:

[1.1] Về thẩm quyền: Đây là việc dân sự “*Yêu cầu xác định quyền sở hữu, quyền sử dụng tài sản, phân chia tài sản chung để thi hành án*” theo quy định tại khoản 9 Điều 27 của Bộ luật Tố tụng dân sự, nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đều có nơi cư trú tại thôn N, xã T, huyện K và tổ M, thị trấn Q, huyện K, tỉnh Hà Nam nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam.

[1.2] Về thủ tục tố tụng: Ngày 29/5/2023, Tòa án nhân dân huyện Kim Bảng đã tiến hành mở phiên họp giải quyết việc dân sự, song tại phiên họp này những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông T, bà H, anh Q, anh H1, chị Th mặc dù đã được tổng đạt hợp lệ quyết định mở phiên họp nhưng đều vắng mặt nên Tòa án đã ra quyết định hoãn phiên họp, đồng thời Tòa án ấn định thời gian mở lại phiên họp giải quyết việc dân sự vào ngày 12/6/2023 và tổng đạt hợp lệ cho các đương sự. Tại phiên họp, những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vẫn tiếp tục vắng mặt lần thứ hai không có lý do. Như vậy, Tòa án đã thực hiện đầy đủ các

thủ tục tổng đạt hợp lệ cho những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, nhưng họ vẫn cố tình vắng mặt tại Tòa án. Căn cứ khoản 3 Điều 367 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành mở phiên họp theo quy định.

[2] Xét yêu cầu của Chấp hành viên Chi cục Thi hành án dân sự huyện K, tỉnh Hà Nam thấy:

Căn cứ vào lời khai của bà Nguyễn Thị H và kết quả xác minh với UBND xã T, huyện K cũng như các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ giải quyết việc dân sự thì thửa đất số 150, tờ bản đồ số PL 09, diện tích 100m² đất ở tại nông thôn đứng tên hộ ông Trần Văn T, sinh năm 1969; địa chỉ: Thôn N, xã T, huyện K, tỉnh Hà Nam có nguồn gốc là do vợ chồng ông Trần Văn T, bà Nguyễn Thị H trúng đấu giá quyền sử dụng đất và được UBND huyện K cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AG 169964 ngày 12/7/2006. Theo kết quả đo đạc hiện trạng sử dụng đất và kết quả xem xét, thẩm định tại chỗ thì thửa đất trên có tứ cận như sau: Phía Bắc giáp đường Quốc lộ 21A dài 4,49m; phía Nam giáp đất do UBND xã T quản lý dài 4,50m; phía Tây giáp đất hộ bà D dài 22,24m; phía Đông giáp đất hộ ông Q dài 22,25m. Thửa đất này hiện nay ông T, bà H mới vượt lập được một phần nhỏ khoảng 40m² (tiếp giáp với Quốc lộ 21A), còn lại vẫn là đất mặt nước nên chưa có tài sản, vật kiến trúc và cây cối hoa màu trên đất. Vì vậy, có cơ sở xác định thửa đất này là tài sản hợp pháp được hình thành trong thời kỳ hôn nhân giữa vợ chồng ông Trần Văn T và bà Nguyễn Thị H nên là tài sản chung của vợ chồng ông T và bà H. Tại thời điểm vợ chồng ông T, bà H trúng đấu giá quyền sử dụng thửa đất này thì hộ gia đình ông bà đang sinh sống tại khu nhà đất khác thuộc quyền sử dụng hợp pháp của hộ gia đình ông bà. Tại lời khai của bà H và chị Th (là con gái ông T, bà H) đều xác định thửa đất số 150 nêu trên là do ông T, bà H trúng đấu giá quyền sử dụng, các con của ông bà không có công sức đóng góp đối với thửa đất này.

Bà Nguyễn Thị H trình bày thửa đất nêu trên vợ chồng bà đã chuyển nhượng lại cho người khác nhưng bà không nhớ là chuyển nhượng cho ai, chuyển nhượng vào thời gian nào; bà H cũng không cung cấp được cho Tòa án tài liệu, chứng cứ chứng minh cho việc chuyển nhượng thửa đất. Tòa án nhân dân huyện Kim Bảng đã tiến hành xác minh và được UBND xã T, huyện K cũng như Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện K cung cấp: Tại hồ sơ quản lý đất đai của UBND xã T và trên hệ thống quản lý của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện K thì thửa đất số 150, tờ bản đồ số PL 09, diện tích 100m² tại thôn N, xã T, huyện K, tỉnh Hà Nam hiện nay vẫn đứng tên hộ ông Trần Văn T, sinh năm

1969 mà chưa sang tên, chuyển nhượng cho tổ chức, cá nhân nào. Do đó, việc bà H trình bày hiện nay thừa đất nêu trên đã được vợ chồng bà chuyển nhượng cho người khác là không có cơ sở nên không được Tòa án chấp nhận.

Như vậy, đủ căn cứ để xác định được ông Trần Văn T và bà Nguyễn Thị H mỗi người đều có quyền sử dụng tài sản chung của vợ chồng là $\frac{1}{2}$ thửa đất số 150, tờ bản đồ số PL 09, diện tích 100m² đất ở tại nông thôn đã được UBND huyện K, tỉnh Hà Nam cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AG 169964 ngày 12/7/2006 mang tên người sử dụng đất là hộ ông Trần Văn T toạ lạc tại thôn N, xã T, huyện K, tỉnh Hà Nam. Vì vậy, yêu cầu của Chấp hành viên Chi cục Thi hành án dân sự huyện K, tỉnh Hà Nam đề nghị Tòa án nhân dân huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam xác định quyền sở hữu, quyền sử dụng tài sản của ông Trần Văn T, bà Nguyễn Thị H trong khối tài sản chung của vợ chồng ông T, bà H như nêu trên là có căn cứ, phù hợp với quy định tại các Điều 362, 366, 369, 370 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 74 Luật Thi hành án dân sự; các Điều 158, 213, 219 của Bộ luật Dân sự nên được chấp nhận.

[3] Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ: Do người yêu cầu là bà Phan Thị L-Chấp hành viên Chi cục Thi hành án dân sự huyện K, tỉnh Hà Nam tự nguyện chịu toàn bộ số tiền chi phí cho việc xem xét, thẩm định tại chỗ và không yêu cầu những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan phải chịu nên không đặt ra xem xét.

[4] Về lệ phí giải quyết việc dân sự sơ thẩm: Người yêu cầu và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không phải nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 9 Điều 27, khoản 2 Điều 35 và các Điều 149, 369, 370, 371, 372 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 74 Luật Thi hành án dân sự; các Điều 158, 213, 219 của Bộ luật Dân sự; các Điều 29, 33, 34 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 11, khoản 1 Điều 37 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu của Chấp hành viên Chi cục Thi hành án dân sự huyện K, tỉnh Hà Nam về việc xác định phần quyền sở hữu, quyền sử dụng tài sản, phân chia tài sản chung của ông Trần Văn T và bà Nguyễn Thị H để thi hành án.

2. Xác định thửa đất số 150, tờ bản đồ số PL 09, diện tích 100m² đứng tên hộ ông Trần Văn T, sinh năm 1969, địa chỉ tại thôn N, xã T, huyện K, tỉnh Hà Nam (có trích đo thửa đất kèm theo) là thuộc quyền sử dụng của vợ chồng ông Trần Văn T và bà Nguyễn Thị H. Theo đó, ông Trần Văn T và bà Nguyễn Thị H mỗi người đều được quyền sử dụng $\frac{1}{2}$ (một phần hai) giá trị khối tài sản chung của vợ chồng là thửa đất nêu trên để đảm bảo việc thi hành án dân sự.

3. Lệ phí giải quyết việc dân sự sơ thẩm: Người yêu cầu và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không phải chịu.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Người yêu cầu có mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày Tòa án ra quyết định. Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày nhận được quyết định hoặc kể từ ngày quyết định giải quyết việc dân sự được niêm yết theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Hà Nam;
- VKSND huyện Kim Bảng;
- Các đương sự;
- Chi cục THADS huyện Kim Bảng;
- Lưu hồ sơ, Văn phòng.

THẨM PHÁN

Nguyễn Đức Thọ